

Tên:

Week: 30

Lớp: S2...

Từ vựng & Ngữ pháp HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....

Nghe HW:

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....

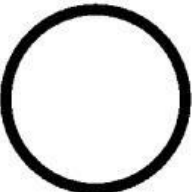
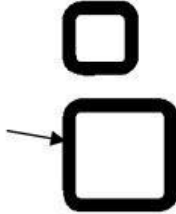
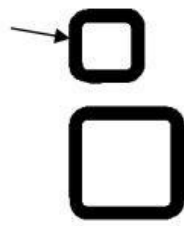
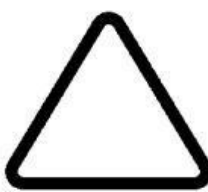
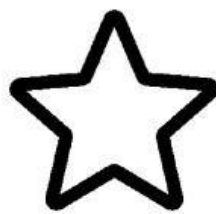
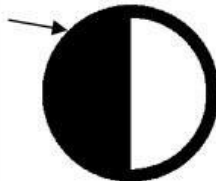
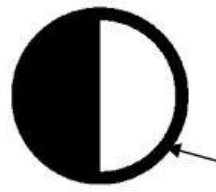


GE2 - Unit 5 & 6 - Vocabulary Revision

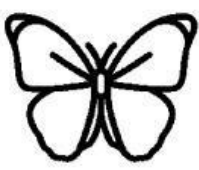
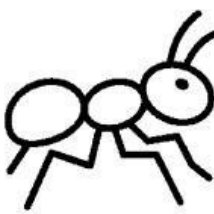
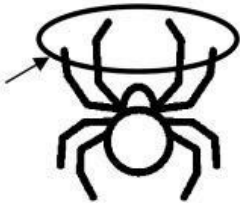
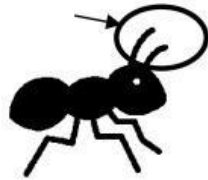
A. THEORY:

I. VOCABULARY REVISION

❖ Shapes (Các hình dạng) & Adjectives (Các tính từ)

				
circle (n) hình tròn	square (n) hình vuông	heart (n) hình trái tim	big (adj) to, lớn	little (adj) nhỏ
				
triangle (n) hình tam giác	star (n) hình ngôi sao	rectangle (n) hình chữ nhật	black (adj) màu đen	white (adj) màu trắng

❖ Insects (Côn trùng)

				
insects (n) côn trùng	cricket (n) con dế	butterfly (n) con bướm	worm (n) con giun	spider (n) con nhện
				
ant (n) con kiến	legs (n) các cái chân	wings (n) đôi cánh	antennae (n) đôi râu (côn trùng)	

II. Extra vocabulary

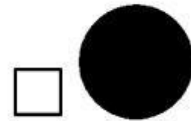
	jacket áo khoác		basketball bóng rổ		tennis quần vợt
---	---------------------------	---	------------------------------	---	---------------------------

III. Structure

- Cách dùng: để **miêu tả 1 đồ vật** theo **kích thước – màu sắc – hình dạng**.
- Công thức:

It's a + size + color + shape.

- Ví dụ: It's a **big black circle**. (Đó là một **hình tròn lớn màu đen**.)
- It's a **little white square**. (Đó là một **hình vuông nhỏ màu trắng**.)

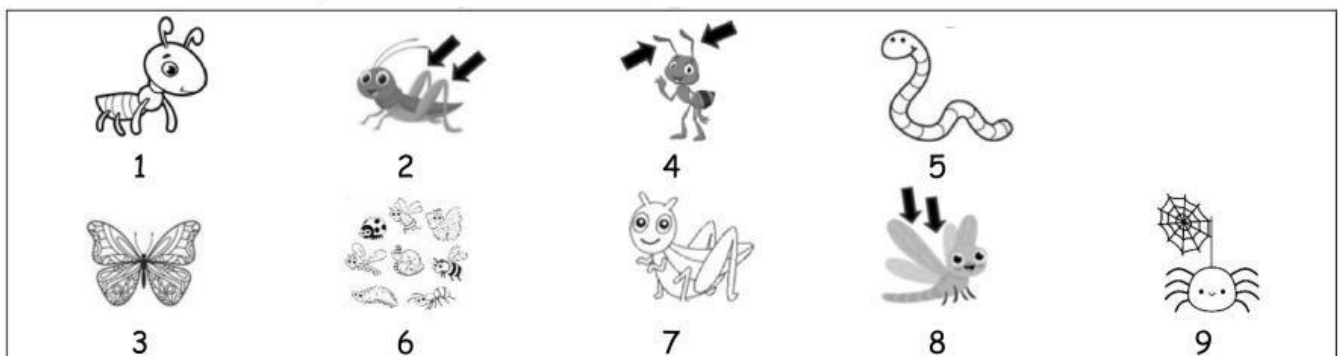
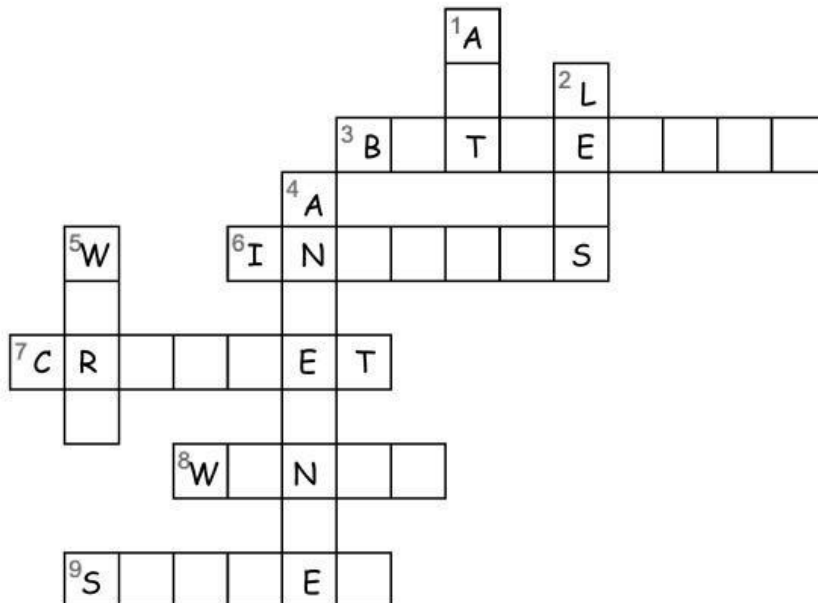


**Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ.*

B. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (19 questions)

Exercise 1. Look and find all the words. (Nhìn và tìm đầy đủ các từ.)



Exercise 2. Read and color the pictures. (Đọc và tô màu các bức tranh.)

0. His clock is a **big white circle**.



1. His balloon is a **big yellow circle**.



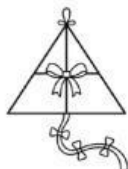
2. Her gift is a **small blue square**.



3. The door is a **big brown rectangle**.



4. The kite is a **small green triangle**.



5. A **big red triangle** and a **big pink square** make a house.



Exercise 3. Read the text. Write Yes or No. (Đọc đoạn. Viết Yes hoặc No.)

My name is Lily. I learn about shapes at school.
I see shapes in my house every day. The sun is a circle.
My window is a rectangle. My table is a square.
I have a small red box. It is a square.
I like shapes very much.



0. Lily likes learning about shapes.

Yes

1. Lily sees shapes in her house.

.....

2. The sun is a triangle.

.....

3. The window is a rectangle.

.....

4. The table is a circle.

.....

5. The red box is a square.

.....

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE (5 questions)

StarLink

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

https://drive.google.com/file/d/1FTQL2v7rfotl15uVaOtSglQi_WzmIR4U/view?usp=sharing

STARTERS PART 3

Listen and tick (✓) the box. There is one example.



Which is Kim's bag?



A ☒



B ☐



C ☐

1 What is Anna taking to school?



A ☐



B ☐



C ☐

2 Which is Bill's dad?



A ☐

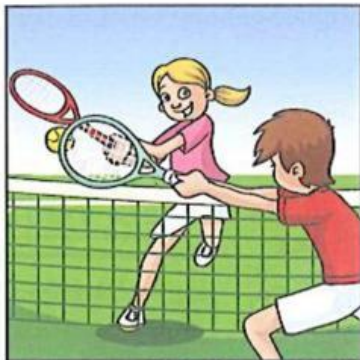


B ☐



C ☐

3 What would Sam like to do?



A ☐

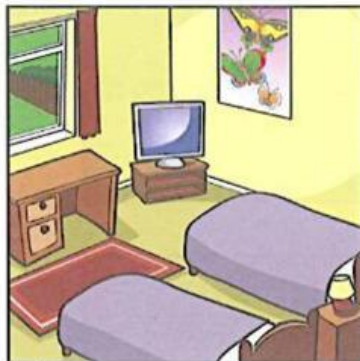


B ☐

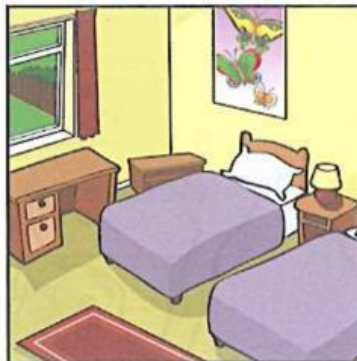


C ☐

4 Which is Jill's bedroom?



A ☐



B ☐



C ☐

5 Which is Nick's brother?



A ☐



B ☐



C ☐